

Biểu TS-01 **SỐ LƯỢNG TRẠM KIỂM SOÁT TÀN SỐ VÔ TUYẾN** Đơn vị báo cáo: Cục TS
ĐIỀN, SỐ BẢNG TÀN KIỂM SOÁT ĐƯỢC

Đơn vị nhận báo cáo:
Vu KHTC, VP Bô

[illegible]

B. Trạm kiểm soát lưu động												
I	Trung tâm TS khu vực I											
1	Trạm lưu động A											
2	Trạm lưu động B											
...	...											
II	Trung tâm TS khu vực II											
1	Trạm lưu động A											
2	Trạm lưu động B											
	...											
...	...											

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU
(Thông tin người thực hiện)

KIỂM TRA BIỂU
(Thông tin người thực hiện)

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...
CỤC TRƯỞNG
(Ký điện tử)

a) *Khái niệm, phương pháp tính*

Số lượng trạm kiểm soát tần số vô tuyến điện: Là số lượng trạm kiểm soát tần số vô tuyến điện đang hoạt động tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo. Trạm kiểm soát tần số vô tuyến điện là trạm (cố định hoặc lưu động) có các thiết bị chuyên dùng để kiểm soát, giám sát, thu thập thông tin về các phát xạ vô tuyến điện trong không gian nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các nguồn gây can nhiễu, các vi phạm về sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; đo đạc các thông số kỹ thuật thiết bị vô tuyến điện để phục vụ công tác quản lý sử dụng tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh.

Băng tần số vô tuyến điện kiểm soát được: Là những dải tần số vô tuyến điện dưới 300 GHz hệ thống thiết bị kiểm soát của Việt Nam đã kiểm soát được đến thời điểm cuối kỳ báo cáo. Dải tần dưới 300 GHz là dải tần được ITU phân định, gồm có VLF, LF, MF, HF, VHF, UHF, SHF, EHF. Dải kiểm soát được là các dải tần mà khi bất kỳ một tổ chức, cá nhân nào sử dụng để phát tín hiệu trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam thì các phương tiện kỹ thuật của Việt Nam hoàn toàn cho phép xác minh được vị trí và các thông số liên quan.

b) *Cách ghi biểu*

Cột Nội dung

(B) Ghi tên trạm kiểm soát.

(C) Địa điểm đặt trạm. Riêng trạm lưu động ghi tên của tỉnh/thành phố nơi Trung tâm tần số khu vực quản lý, vận hành trạm có trụ sở chính.

(1) Thời điểm trạm kiểm soát bắt đầu đưa vào hoạt động. Sử dụng 02 chữ số chỉ tháng, 02 chữ số chỉ năm, giữa tháng và năm ngăn cách bằng ký tự “/”.

Các cột từ Cột 2 đến Cột 10: Đánh dấu X tương ứng với tần số mà trạm có tên tại cột B có khả năng kiểm soát được.

Cách ghi số liệu tổng hợp dòng Trung tâm TS khu vực I - Phần A Trạm kiểm soát cố định

Sau khi ghi đầy đủ thông tin cho các trạm kiểm soát trên biểu, tiến hành ghi số liệu tổng hợp dòng Trung tâm TS khu vực I. Cách ghi như sau:

Cột 1: Ghi số lượng trạm cố định thuộc Trung tâm TS khu vực I. Số liệu tương ứng với số thứ tự của trạm cuối cùng trong danh sách trạm thuộc Trung tâm TS khu vực I.

Các cột từ Cột 2 đến Cột 10: Đếm số 5 đánh dấu X từng cột trong số các trạm cố định thuộc Trung tâm TS khu vực I. Ghi số đếm được lên ô tương ứng dòng Trung tâm TS khu vực I.

Số liệu tổng hợp dòng Trung tâm TS các khu vực còn lại - ghi tương tự như cách đã áp dụng cho dòng Trung tâm TS khu vực I.

Cách ghi số liệu tổng hợp Dòng A - Trạm kiểm soát cố định.

Sau khi ghi đầy đủ thông tin cho các Trung tâm TS khu vực I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, tiến hành ghi thông tin tổng hợp phần A - Trạm cố định.

Các cột từ cột 1 đến cột 10 là số liệu tổng hợp tương ứng từ các Trung tâm TS khu vực.

Cách ghi số liệu tổng hợp các dòng Trung tâm TS khu vực - Phần B Trạm kiểm soát lưu động và ghi số liệu tổng hợp dòng B - Trạm kiểm soát lưu động.

Ghi tương tự như cách đã áp dụng để ghi số liệu ở phần A.

Cách ghi số liệu dòng TỔNG CỘNG

Sau khi ghi đầy đủ thông tin cho các dòng A - Trạm kiểm soát cố định và dòng B - Trạm kiểm soát lưu động, tiến hành ghi thông tin dòng Tổng cộng.

Số liệu dòng Tổng cộng là số liệu tổng hợp tương ứng từ dòng A và dòng B.

Khi có sự thay đổi: Cục thực hiện cập nhật ngay sau khi có sự thay đổi hoặc cập nhật trong vòng 07 ngày (kể từ khi có thay đổi) lên CSDL thống kê để hệ thống có thể tổng hợp được số liệu theo định dạng của biểu này với các thông tin cập nhật.

c) Nguồn số liệu

Biểu được lập từ dữ liệu hành chính của Cục TS